

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 72-CP ngày 28-4-1971
về việc điều chỉnh giá cá biển, nước
mắm và mắm tôm.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 30 tháng 9 và ngày 1 tháng 10 năm 1970.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay điều chỉnh giá thu mua thống nhất trên toàn miền Bắc một kilôgam cá biển như sau :

1. Cá biển :

Loại 1	1.50
Loại 2	1.20
Loại 3	1.00
Loại 4	0.85
Loại 5	0.65
Loại 6	0.40

2. Mòi rước :

Loại 1	0.70
Loại 2	0.65

Điều 2. — Tổng cục Thủy sản và Bộ Nội thương quy định cụ thể các thứ cá theo từng loại, đảm bảo mức giá chỉ đạo của Nhà nước.

Điều 3. — Ủy ban Vật giá Nhà nước quy định giá thu mua các loại thủy sản khác tiêu thụ ở trong nước theo tương quan hợp lý với giá thu mua cá biển quy định trong điều 1.

Điều 4. — Giá bán lẻ các loại cá biển, nước mắm và mắm tôm quy định như sau :

1. Giữ nguyên giá bán lẻ cá tươi, cá khô như hiện nay.

2. Giữ nguyên giá bán lẻ nước mắm tại các thành phố, khu công nghiệp và tỉnh đồng bằng (không kể các tỉnh ven biển) và trung du là 0.10/độ đậm.

3. Giá bán lẻ nước mắm tại các tỉnh ven biển là 0.09/độ đậm.

4. Giữ nguyên giá bán lẻ mắm tôm tại các thành phố, khu công nghiệp và các tỉnh đồng bằng (không kể các tỉnh ven biển) và trung du như hiện nay.

5. Nâng giá bán lẻ một kilôgam mắm tôm đặc tại các tỉnh ven biển bằng giá bán lẻ mới một lít nước mắm loại 1; giá bán lẻ một kilôgam mắm tôm lỏng bằng giá bán lẻ mới một lít nước mắm loại 2.

6. Giá bán lẻ nước mắm, mắm tôm ở các tỉnh miền núi được quy định theo giá bán lẻ

ở các tỉnh ven biển cộng thêm chi phí lưu thông bán buôn từ các tỉnh ven biển lên các tỉnh miền núi.

Điều 5. — Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1971. Những quy định về giá cá trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Các ông Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Bộ trưởng Bộ Nội thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 28 tháng 4 năm 1971

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 157-TTg ngày 27-5-1971 ban hành chế độ báo cáo thống kê hàng tháng về tình hình xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ biểu mẫu và phương án điều tra thống kê;

Đề đáp ứng yêu cầu tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này chế độ báo cáo thống kê hàng tháng và hệ thống biểu mẫu về tình hình xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước.

Điều 2. — Chế độ báo cáo thống kê và hệ thống biểu mẫu này áp dụng kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1971. Các văn bản về chế độ báo cáo thống kê hàng tháng về tình hình xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước quy định trước đây trái với

quyết định này đều bãi bỏ. Riêng chế độ báo cáo thống kê 10 ngày về tiến độ thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước vẫn áp dụng theo chế độ biểu mẫu ban hành kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 72-TTg ngày 28-4-1970.

Điều 3.— Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm giải thích nội dung, hướng dẫn phương pháp tính toán các chỉ tiêu và cách ghi báo cáo biểu mẫu, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thi hành và định kỳ báo cáo với Chính phủ tình hình chấp hành chế độ báo cáo này; cùng với Tổng cục Bưu điện quy định việc dành thứ tự ưu tiên và phương tiện vận chuyển báo cáo được nhanh chóng.

Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị cơ sở thuộc quyền quản lý của mình chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thống kê này.

Các ông Trưởng ban kiến thiết (bên A) các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước, các ông thủ trưởng đơn vị thi công (bên B) các công trình trọng điểm của Nhà nước có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thống kê này, bảo đảm thi hành đúng chế độ biểu mẫu, phương pháp tính toán các chỉ tiêu và thời gian quy định.

Hà-nội, ngày 27 tháng 5 năm 1971

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

ĐỖ MƯỜI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ HÀNG THÁNG VỀ TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN HẠN NGẠCH VÀ CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo quyết định số 157-TTg ngày 27-5-1971 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH

Chế độ báo cáo thống kê hàng tháng về tình hình xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước là phương tiện chủ yếu để thu thập nhanh chóng và có hệ thống số liệu, tình hình xây dựng các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước, phục vụ các cấp lãnh đạo nắm sát tình hình, tăng cường kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo chặt chẽ

nhằm đẩy mạnh tiến độ thi công, mau chóng đưa các công trình đó vào sản xuất hoặc sử dụng.

II. NỘI DUNG VÀ HỆ THỐNG BIỂU MẪU

1. Nội dung báo cáo gồm hai phần:

— Phần báo cáo số liệu thống kê (theo các biểu mẫu ban hành kèm theo).

— Phần báo cáo bằng lời văn giải thích rõ số liệu, nguyên nhân hoàn thành hoặc không hoàn thành kế hoạch, nêu lên những nhận xét chủ yếu về tình hình trong kỳ báo cáo, những khó khăn tồn tại cần kịp thời giải quyết.

2. Hệ thống biểu mẫu gồm:

a) *Biểu do bên A các công trình trên hạn ngạch và công trình trọng điểm của Nhà nước báo cáo:*
— Biểu 1 ĐT/T: thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thành công trình và năng lực mới tăng.

b) *Biểu do bên A các công trình trọng điểm của Nhà nước báo cáo:*

— Biểu 2 ĐT/T: phá đi, làm lại, gia công thêm và đình chỉ thi công,

— Biểu 3 ĐT/T: Chênh lệch dự toán của khối lượng thi công xong.

c) *Biểu do đơn vị thi công (bên B) các công trình trọng điểm của Nhà nước báo cáo:*

— Biểu 1 XL/T: sử dụng thời gian lao động, năng suất lao động và thực hiện mức lao động,

— Biểu 2 XL/T: số lượng, hiện trạng và sử dụng thời gian của thiết bị, máy móc thi công chủ yếu,

— Biểu 3 XL/T: khối lượng hiện vật do các đơn vị máy thi công thực hiện,

— Biểu 4 XL/T: Nhập, xuất, tồn kho và sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu chủ yếu,

— Biểu 5 XL/T: phá đi, làm lại, gia cố thêm và đình chỉ thi công,

— Biểu 6 XL/T: chênh lệch giữa thực chi và giá dự toán.

III. TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO

1. Thủ trưởng các đơn vị báo cáo phải trực tiếp thăm tra số liệu, ký tên vào báo cáo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tính chất chính xác và kịp thời của báo cáo, phải đề cao tinh thần chấp hành kỷ luật báo cáo thống kê đối với Nhà nước.

2. Các đơn vị phải gửi báo cáo đến Tổng cục Thống kê, Phó Thủ tướng, Bộ chủ quản, Chi cục thống kê trước ngày 25 hàng tháng. Thời gian báo cáo này phải được nghiêm chỉnh chấp hành, phải coi việc gửi báo cáo cho đúng thời hạn quy định là kỷ luật báo cáo thống kê đối với Nhà nước.

3. Các báo cáo trên là những tài liệu mật, nên phải theo đúng chế độ gửi tài liệu mật của Nhà nước đã quy định.

4. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm cùng với Tổng cục Bưu điện bàn bạc thống nhất đề quy định việc dành thứ tự ưu tiên và phương

tiện chuyển báo cáo được nhanh chóng, bảo đảm đúng thời hạn quy định.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
ĐỖ MUỘI

Biên số 1 ĐT/T

- Đơn vị báo cáo: Bên A các công trình trên hạn ngạch và trọng điểm của Nhà nước (kể cả các đơn vị tự làm).
- Nơi nhận báo cáo: — Tổng cục Thống kê,
— Văn phòng Phủ Thủ tướng (1),
— Bộ chủ quản,
— Chi cục Thống kê
- Ngày nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng.

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN, HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ NĂNG LỰC MỚI TĂNG (tháng)

I. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (2)

		KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN			
		Quý	Tháng	Chính thức tháng trước	Chính thức 20 ngày đầu tháng báo cáo	Ước cả tháng báo cáo	Từ đầu quý đến cuối tháng báo cáo
	A	1	2	3	4	5	6
1	Công trình A: Tổng mức: Trong đó: — Xây lắp — Thiết bị a) Hạng mục 1: ... (như phần 1) b) ...						
2	Công trình...						

(1) Bên A các công trình không phải trọng điểm của Nhà nước thì không gửi biên này đến Văn phòng Phủ Thủ tướng.

(2) Giải thích nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch ở cuối biên.

II. HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ NĂNG LỰC MỚI TĂNG

		NGÀY HOÀN THÀNH		Giá dự toán	Đơn vị tính năng lực	Năng lực mới tăng
		Kế hoạch	Thực hiện			
	A	1	2	3	B	4
	... (liệt kê từng công trình và hạng mục công trình)					

Người lập biên
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 1971
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

CHỮ THÍCH: Tháng cuối quý cần gửi kèm theo danh sách các công trình, hạng mục công trình quy định phải hoàn thành từ đầu năm đến cuối quý báo cáo nhưng chưa hoàn thành.

Biểu số 2 ĐT/T

- Đơn vị báo cáo: Bên A các công trình trọng điểm của Nhà nước (kể cả tự làm)
- Nơi nhận báo cáo: - Tổng cục Thống kê,
- Bộ chủ quản,
- Chi cục thống kê,
- Ngày nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng.

PHÁ ĐI, LÀM LẠI, GIA CỐ THÊM VÀ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG⁽¹⁾ (tháng)

	A	Tổng số chi phí (đồng)	Trong đó:		Tên một số khối lượng chủ yếu	Đơn vị tính khối lượng	Khối lượng hiện vật	Ghi chú (2)
			Vật liệu	Nhân công				
		1	2	3	4	B	5	6
1	Phá đi ... (liệt kê tên từng đối tượng và sự việc xảy ra)							
2	Làm lại, gia cố thêm: ... (như phần 1)							
3	Đình chỉ thi công ... (như phần 1)							

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Trưởng ban giám sát kỹ thuật
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

- (1) Biểu này ghi số liệu chính thức từ ngày 20 tháng trước đến ngày 20 của tháng báo cáo.
(2) Ghi rõ nguyên nhân trách nhiệm do ai và ngày tháng xảy ra sự việc.

Biểu số 3 ĐT/T

- Đơn vị báo cáo: Bên A các công trình trọng điểm của Nhà nước (kể cả đơn vị tự làm).
- Nơi nhận báo cáo: - Tổng cục Thống kê,
- Bộ chủ quản,
- Chi cục thống kê.
- Ngày nhận báo cáo: 15 ngày sau tháng báo cáo.

TĂNG GIẢM DỰ TOÁN CỦA KHỐI LƯỢNG THI CÔNG XONG (tháng)

Đơn vị tính: đồng

	A	Chi phí		Chênh lệch	
		Theo dự toán đã phê chuẩn	Đã thanh toán với bên B (1)	Tổng số	Trong đó: do thay đổi thiết kế
		1	2	3	4
	TỔNG SỐ Trong đó: ... (liệt kê từng công trình, hạng mục công trình có khối lượng thi công xong đã thanh toán trong kỳ báo cáo).				

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

(1) Đối với đơn vị tự làm thì ghi chi phí thực tế.

09672624

III. HAO PHÍ LAO ĐỘNG THỰC TẾ VÀ HAO PHÍ LAO ĐỘNG TÍNH THEO ĐỊNH MỨC CỦA MỘT SỐ CÔNG VIỆC CHỦ YẾU
(có theo dõi định mức)

	Đơn vị tính khối lượng	Khối lượng hiện vật đã thực hiện trong 20 ngày đầu tháng bằng lao động thủ công và có theo dõi định mức		Số ngày công hao phí cho khối lượng hiện vật đã thực hiện	
		Tổng số	Trong đó khối lượng làm khoán	Theo định mức	Theo thực tế
1. Đào đất					
2. Đắp đất					
3. Phá đá					
4. Rải đá mặt đường					
5. Xây, lát đá					
6. Đồ bê tông					
7. Xây tường gạch					
8. Đi lò mới					
9. Lắp máy					
10.					

Người lập biên
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 1971
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

Biên số 2 XL/T

- Đơn vị báo cáo: đơn vị thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước
- Nơi nhận báo cáo:
 - Tổng cục thống kê,
 - Bộ chủ quản,
 - Chi cục thống kê.
- Ngày nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng.

SỐ LƯỢNG, HIỆN TRẠNG VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ MÁY MÓC THI CÔNG CHỦ YẾU(1)

I. SỐ LƯỢNG, HIỆN TRẠNG THIẾT BỊ, MÁY MÓC THI CÔNG (tính đến ngày 20 tháng báo cáo)

Đơn vị tính: cái máy

	Số máy có trong danh sách	Trong tổng số máy có trong danh sách			Số máy tăng giảm trong kỳ	
		Máy được phép sử dụng		Máy đang sửa chữa lớn và chờ sửa chữa lớn	Tăng	Giảm
		Tổng số	Trong đó máy không hoạt động trong kỳ báo cáo			
A	1	2	3	4	5	6

(Theo bản danh mục kèm theo)

II. SỬ DỤNG THỜI GIAN CỦA THIẾT BỊ MÁY MÓC THI CÔNG (1)
(Số liệu chính thức 20 ngày đầu tháng báo cáo)

Số máy (cả)		Số ngày máy (ngày)					Số ngày ngưng việc (giờ)							
Theo kế hoạch	Thực tế làm việc	Theo dương lịch của máy được phép sử dụng	Có thể sử dụng cao nhất	Thực tế làm việc	Ngưng việc cả ngày			Trong đó :						
					Tổng số	Máy hỏng	Thiếu nguyên liệu, động lực	Không có nhiệm vụ sản xuất	Di chuyển	Tổng số	Máy hỏng	Thiếu nguyên liệu, động lực		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Tổng cộng :

Chia ra : (Theo bản danh mục kèm theo)

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

(1) Biểu này do các đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng máy chuyên trách thi công các công trình trọng điểm ghi báo (kê cả B chính và B phụ)

**DANH MỤC CÁC LOẠI MÁY
THI CÔNG CHỦ YẾU**

(Dùng cho phần I và II của
biểu 2 XL/T)

Máy làm đất :

- Máy ủi
- Máy san
- Máy cạp (ngọam)
- Máy đầm
- Máy súc
- Máy lu

Máy làm đá :

- Máy nén khí
- Máy nghiền đá
- Máy khoan đá

Máy xây dựng :

- Máy trộn bê-tông
- Máy trộn vữa
- Máy phun xi-măng
- Máy đầm bê-tông
- Máy đóng cọc

Máy vận chuyển ngang :

- Máy kéo bánh xích
- Máy kéo bánh lốp
- Ô-tô vận chuyển tự đổ
- Ô-tô vận chuyển khác,

Máy vận chuyển cao :

- Cần trục tháp
- Ô-tô cần trục
- Tàu cần cẩu

Các loại máy khác :

- Tàu hút bùn
- Tàu nước
- Sà lan đóng cọc

09672624

Biểu số 3 XL/T

- Đơn vị báo cáo: Đơn vị thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước.
- Nơi nhận báo cáo:
 - Tổng cục Thống kê
 - Bộ chủ quản
 - Chi cục thống kê
- Ngày nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng

**KHỐI LƯỢNG HIỆN VẬT DO CÁC ĐƠN VỊ
MÁY THI CÔNG THỰC HIỆN⁽¹⁾**

	Đơn vị tính khối lượng	Khối lượng hiện vật thực hiện trong kỳ báo cáo	
		Tổng số	Trong đó do các đơn vị máy thi công thực hiện ⁽²⁾
A	B	1	2
... (theo bản danh mục kèm theo)			

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

- (1) Biểu này do B chính tổng hợp (cả phần tự làm và giao thầu lại) và lấy số liệu chính thức 20 ngày đầu tháng báo cáo.
- (2) Bao gồm khối lượng hiện vật của từng loại công việc do các tổ đội máy thi công đã thực hiện ở công trình trọng điểm của Nhà nước, không kể máy đó do ai quản lý và có chuyên trách thi công công trình trọng điểm đó hay không.

DANH MỤC KÈM THEO BIỂU SỐ 3 XL/T

1. Làm đất:

- Đào đất (m³)
- Đắp đất (m³)
- Đầm đất (m³)

2. Bê tông:

- Trộn vữa (m³)
- Đầm (m³)

3. Vận chuyển ngang:

- Vận chuyển đất, đá (m³)
- Vận chuyển gạch ngói (tấn)
- Vận chuyển các vật liệu khác (tấn)

4. Vận chuyển lên cao:

- Vận chuyển vữa (m³)
- Vận chuyển gạch ngói (tấn)
- Vận chuyển cầu kiện đúc sẵn (tấn)
- Vận chuyển sắt thép (tấn)
- Vận chuyển các vật liệu khác (tấn).

Biểu số 4 XL/T

— Đơn vị báo cáo: đơn vị thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước,

— Ngày nhận báo cáo: — Tổng cục Thống kê,
— Bộ chủ quản,
— Chi cục thống kê.

— Nơi nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng.

**NHẬP, XUẤT, TỒN KHO VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU,
NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU CHỦ YẾU (tháng)**

**I. NHẬP, XUẤT, TỒN KHO VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU,
VẬT LIỆU CHỦ YẾU**

	A	Đơn vị tính	Tồn kho đầu tháng	Nhập trong tháng				Xuất 20 ngày đầu tháng
				Theo kế hoạch	Theo hợp đồng	Thực nhập		
						20 ngày đầu tháng	Ước tính cả tháng	
	B	1	2	3	4	5	6	
1	Sắt thép		8 đá					
	Trong đó: (ghi tên một số loại chủ yếu)		9 sỏi					
2	Xi-măng		10-xăng					
		11 dầu					
3	Gỗ						
					
4	Gạch							
5	Ngói							
6	Vôi							
7	Cát							
							

Chú thích: Trong phần lời văn cần ghi rõ những trường hợp vật tư cung cấp không đúng thời gian ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

II. HAO PHÍ VẬT TƯ THEO THỰC TẾ VÀ ĐỊNH MỨC
(báo cáo số liệu chính thức tháng trước)

A	Đơn vị tính	Tổng số vật tư tiêu hao cho khối lượng xây lắp đã thực hiện	
		Theo định mức	Theo thực tế
		1	2
... (liệt kê một số vật tư chủ yếu đã tiêu hao)			
— Sắt thép			
— Gỗ			
— Gạch, ngói			
— Cát			
— Xi-măng			
— Que hàn			
—			

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

Biểu số 5 XL/T

- Đơn vị báo cáo: Đơn vị thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước.
- Nơi nhận báo cáo: — Tổng cục Thống kê,
— Bộ chủ quản,
— Chi cục thống kê,
- Ngày nhận báo cáo: trước ngày 25 hàng tháng

PHÁ ĐI, LÀM LẠI, GIA CỐ THÊM VÀ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG⁽¹⁾ (tháng)

	Tông số chi phí (đồng)	Trong đó:		Tên một số khối lượng chủ yếu	Đơn vị tính khối lượng	Khối lượng hiện vật	Ghi chú (2)
		Vật liệu	Nhân công				
A	1	2	3	4	B	5	6
1	Phá đi (liệt kê từng đối tượng và sự việc xảy ra).						
2	Làm lại, gia cố thêm (như phần 1)						
3	Đình chỉ thi công (như phần 1)						

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Trưởng ban giám sát kỹ thuật
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)

- (1) Biểu này ghi số liệu chính thức từ ngày 20 tháng trước đến ngày 20 của tháng báo cáo.
(2) Ghi rõ nguyên nhân, trách nhiệm do ai và ngày tháng xảy ra sự việc.

Biểu số 6 XL/T

- Đơn vị báo cáo: Đơn vị thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước,
- Nơi nhận báo cáo: — Tổng cục Thống kê,
— Bộ chủ quản,
— Chi cục thống kê
- Ngày nhận báo cáo: 15 ngày sau tháng báo cáo.

CHÉNH LỆCH GIỮA THỰC CHI VÀ GIÁ DỰ TOÁN (tháng)

Đơn vị tính: đồng

	Chi phí		Chênh lệch	
	Thanh toán với bên A	Thực tế	Tông số	Trong đó: do thay đổi cước phí vận chuyển vật liệu
A	1	2	3	4
TỔNG SỐ Trong đó: ... liệt kê từng công trình, hạng mục công trình				

Người lập biểu
(ký tên)
(Họ và tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)
(Họ và tên)

Ngày tháng năm 197
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)
(Họ và tên)